

Số: 601/TB-CDKTKT-KHTC

Thái Nguyên, ngày 19 tháng 6 năm 2024

THÔNG BÁO

(V/v thu học phí K17, K18 và K19CD đào tạo tại SEVT học kỳ II năm học 2023 - 2024)

Kính gửi: - Phòng Đào tạo của SEVT;

- Trung tâm Tuyển sinh và Đào tạo theo nhu cầu xã hội;
- Ban chủ nhiệm Khoa Kinh tế & QTKD, Khoa Điện, Khoa KHCB;
- Giáo viên chủ nhiệm các lớp K17, K18 và K19CD đào tạo tại SEVT;
- Sinh viên các lớp K17, K18 và K19CD đào tạo tại SEVT.

Căn cứ Bản Ghi nhớ hợp tác giữa Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Đại học Thái Nguyên (CET) với Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên (SEVT);

Căn cứ Quyết định số 994/QĐ-CDKTKT ngày 17/10/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật về việc thu học phí kỳ 2 tại SEVT năm học 2023-2024.

Nhà trường triển khai việc thu tiền học phí của học kỳ II năm học 2023-2024 đối với sinh viên K17, K18 và K19CD đào tạo tại SEVT như sau:

1. Học phí phải nộp:

Số tiền học phí phải nộp = 960.000đ/tháng/sinh viên x 5 tháng = 4.800.000đ.

2. Hình thức nộp:

2.1. Sinh viên thực hiện nộp học phí qua ngân hàng theo hướng dẫn

- Số tài khoản: 3901939915
- Tên đơn vị hưởng: Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật.
- Tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên.
- Nội dung nộp tiền, chuyển khoản như sau: Mã sinh viên:..... – Họ và tên sinh viên:..... – Lớp:..... – Nộp học phí học kỳ:..... – Năm học:..... (Sinh viên phải lưu lại chứng từ nộp tiền học phí)

2.2. Sinh viên nộp học phí bằng tiền mặt

Sinh viên nộp học phí trực tiếp bằng tiền mặt tại P207-H1 (Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật).

3. Thời gian nộp học phí: Từ ngày 18/6/2024 đến ngày 28/7/2024

Mọi thông tin liên quan đến học phí và danh sách sinh viên phải nộp học phí sẽ được giáo viên chủ nhiệm thông báo đến sinh viên và đăng trên Website của nhà trường theo địa chỉ: <http://tec.tnu.edu.vn>.

Nhận được thông báo này Phòng Đào tạo QLKH&HTQT; Phòng Đào tạo của SEVT; Trung tâm Tuyển sinh và Đào tạo theo nhu cầu xã hội; Ban chủ nhiệm các khoa liên quan; Giáo viên chủ nhiệm các lớp đôn đốc sinh viên các lớp K17, K18 và K19CD đào tạo tại SEVT thực hiện nghiêm túc thông báo này.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (báo cáo)
- Như kính gửi;
- Website;
- Lưu VT, KHTC.



TS. Ngô Xuân Hoàng

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CƠ KINH TẾ - KỸ THUẬT

DANH SÁCH THU HỌC PHÍ LỚP K17CB-T.HÀN HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024 (KỲ 6 KHÓA HỌC 2021-2024)

(Số tiền HP phải nộp = 960.000đ/tháng x 5 tháng = 4.800.000đ)

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TIỀN HP PHẢI NỘP	SỐ TIỀN HP ĐÃ NỘP L1	SỐ HÓA ĐƠN	SỐ TIỀN HP ĐÃ NỘP L2	SỐ HÓA ĐƠN	SỐ TIỀN HP THÔI HỌC	SỐ TIỀN HP CÒN NỢ	GHI CHÚ
1	CDT1202196220211S014	Bùi Thị Kim Dung	4.800.000						4.800.000	
2	CDT1202216220211S077	Phạm Lê Duy	4.800.000						4.800.000	
3	CDT1202216220211S006	Trần Trọng Đức	4.800.000						4.800.000	
4	CDT1202216220211S007	Nguyễn Thị Hương Giang	4.800.000						4.800.000	
5	CDT1202216220211S068	Lý Thị Hậu	4.800.000						4.800.000	
6	CDT1202216220211S016	Nguyễn Thị Thúy Hiền	4.800.000						4.800.000	
7	CDT1202216220211S022	Phạm Thị Thanh Huyền	4.800.000						4.800.000	
8	CDT1202216220211S021	Tạ Thị Huyền	4.800.000						4.800.000	
9	CDT1202216220211S026	Đặng Thị Lan	4.800.000						4.800.000	
10	CDT1202216220211S034	Trương Thị Loan	4.800.000	50.000	221/24/02/23				4.750.000	
11	CDT1202216220211S035	Đặng Thị Mơ	4.800.000						4.800.000	
12	CDT1202216220211S084	Nguyễn Thị Nguyệt	4.800.000						4.800.000	
13	CDT1202216220211S040	Lê Thị Nhâm	4.800.000						4.800.000	
14	CDT1202216220211S078	Ngô Thị Nhung	4.800.000						4.800.000	
15	CDT1202216220211S042	Nguyễn Thị Phương	4.800.000						4.800.000	
16	CDT1202216220211S045	Lê Thị Như Quỳnh	4.800.000						4.800.000	
17	CDT1202216220211S083	Mai Thị Sơn	4.800.000						4.800.000	

18	CDT1202216220211S049	Nguyễn Thị Thanh	4.800.000						4.800.000	
19	CDT1202216220211S072	Phan Hữu Thân	4.800.000						4.800.000	
20	CDT1202216220211S063	Lương Thị Uyên	4.800.000						4.800.000	
21	CDT1202216220211S079	Phạm Thị Xuyên	4.800.000						4.800.000	
		Cộng	100.800.000	50.000	-	-	-	-	100.750.000	

NGƯỜI LẬP

Quang

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Quang

Ngày tháng năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Quang

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CĐ KINH TẾ - KỸ THUẬT

DANH SÁCH THU HỌC PHÍ LỚP K17CĐ-KẾ TOÁN HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024 (KỲ 6 KHÓA HỌC 2021-2024)
(Số tiền HP phải nộp = 960.000đ/tháng x 5 tháng = 4.800.000đ)

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TIỀN HP PHẢI NỘP	SỐ TIỀN HP ĐÃ NỘP L1	SỐ HÓA ĐƠN	SỐ TIỀN HP ĐÃ NỘP L2	SỐ HÓA ĐƠN	SỐ TIỀN HP THÔI HỌC	SỐ TIỀN HP CÒN NỢ	GHI CHÚ
1	CDT12022163403010003	Phạm Hoàng Dung	4.800.000	4.000.000	81/22/02/24				800.000	
2	CDT1202216340301S004	Nguyễn Thị Kim Duyên	4.800.000	4.000.000	73/21/02/24				800.000	
3	CDT1202216340301S008	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	4.800.000	4.000.000	79/21/02/24				800.000	
4	CDT1202216340301S009	Vũ Thị Hằng	4.800.000	4.000.000	32/19/01/23				800.000	
5	CDT1202216340301S029	Vũ Thị Hằng	4.800.000	50.000	3030/22/9/23	4.800.000	425/25/3/24		(50.000)	
6	CDT1202216340301S025	Linh Thị Ngọc Hoa	4.800.000	4.000.000	132/23/02/24				800.000	
7	CDT1202216510303S016	Dương Thị Hồng	4.800.000	4.000.000	135/23/02/24				800.000	
8	CDT1202216340301S011	Lữ Thị Thu Huyền	4.800.000	4.000.000	88/22/02/24				800.000	
9	CDT1202216340301S014	Lý Hồng Liên	4.800.000	4.000.000	136/23/02/24				800.000	
10	CDT1202216340301S028	Lương Thị Hà Nhi	4.800.000	4.000.000	80/22/02/24				800.000	
11	CDT1202216340301S016	Hà Thị Nhung	4.800.000	4.000.000	134/23/02/24				800.000	
12	CDT1202216340301S017	Ngô Thị Quyên	4.800.000	4.000.000	78/21/02/24				800.000	
13	CDT1202216340301S020	Nguyễn Thị Thảo	4.800.000	4.000.000	85/22/02/24				800.000	
14	CDT1202216340301S026	Nguyễn Thị Thảo	4.800.000	150.000	4735/21/12/22				4.650.000	
15	CDT1202216340301S019	Ninh Thị Thu Thảo	4.800.000	4.000.000	63/25/01/2024				800.000	
16	CDT1202216340301S021	Dương Thị Thế	4.800.000	4.000.000	100/22/02/24				800.000	
17	CDT1202216340301S023	Lê Hải Yến	4.800.000	4.000.000	133/23/02/24				800.000	
		Cộng	81.600.000	60.200.000	-	4.800.000	-	-	16.600.000	

NGƯỜI LẬP



KẾ TOÁN TRƯỞNG



Ngày tháng năm 2024
HIỆU TRƯỞNG





ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CĐ KINH TẾ - KỸ THUẬT

DANH SÁCH THU HỌC PHÍ LỚP K17CĐ-ĐIỆN ĐT HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024 (KỲ 6 KHÓA HỌC 2021-2024)

(Số tiền HP phải nộp = 960.000đ/tháng x 5 tháng = 4.800.000đ)

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TIỀN HP PHẢI NỘP	SỐ TIỀN HP ĐÃ NỘP L1	SỐ HÓA ĐƠN	SỐ TIỀN HP ĐÃ NỘP L2	SỐ HÓA ĐƠN	SỐ TIỀN HP THÔI HỌC	SỐ TIỀN HP CÒN NỢ	GHI CHÚ
1	CDT1202216510303S099	Nguyễn Văn Bình	4.800.000						4.800.000	
2	CDT1202216510303S006	Nguyễn Văn Chiến	4.800.000						4.800.000	
3	CDT1202216510303S004	Đỗ Mạnh Cường	4.800.000						4.800.000	
4	CDT1202216510303S005	Triệu Văn Cường	4.800.000						4.800.000	
5	CDT1202216510303S007	Vương Mạnh Duy	4.800.000						4.800.000	
6	CDT1202216510303S008	Vi Văn Đoàn	4.800.000						4.800.000	
7	CDT1202216510303S009	Lý Hoài Đông	4.800.000						4.800.000	
8	CDT1202216510303S063	Trần Văn Giáp	4.800.000						4.800.000	
9	CDT1202216510303S011	Nguyễn Văn Hanh	4.800.000						4.800.000	
10	CDT1202216510303S078	Nguyễn Văn Hào	4.800.000						4.800.000	
11	CDT1202216510303S013	Đường Minh Hiếu	4.800.000						4.800.000	
12	CDT1202216510303S014	Nguyễn Thị Hoàn	4.800.000						4.800.000	
13	CDT1202216510303S015	Nguyễn Ngọc Hoàng	4.800.000						4.800.000	
14	CDT1202216510303S017	Trần Văn Huân	4.800.000						4.800.000	
15	CDT1202216510303S019	Phạm Văn Hùng	4.800.000						4.800.000	
16	CDT1202216510303S018	Trần Anh Hùng	4.800.000						4.800.000	
17	CDT1202216510303S021	Lê Phong Huy	4.800.000						4.800.000	
18	CDT1202216510303S020	Nguyễn Quang Huy	4.800.000						4.800.000	
19	CDT1202216510303S070	Dương Đình Hường	4.800.000						4.800.000	
20	CDT1202216510303S024	Lê Văn Khang	4.800.000						4.800.000	
21	CDT1202216510303S092	Trần Đức Khiết	4.800.000						4.800.000	
22	CDT1202216510303S062	Đặng Thị Linh	4.800.000						4.800.000	
23	CDT1202216220211S031	Sầm Thị Thùy Linh	4.800.000						4.800.000	
24	CDT1202216510303S028	Trịnh Duy Linh	4.800.000						4.800.000	
25	CDT1202216510303S031	Nguyễn Đức Luật	4.800.000						4.800.000	
26	CDT1202216510303S033	Đào Xuân Minh	4.800.000						4.800.000	
27	CDT1202216510303S091	Hoàng Văn Minh	4.800.000						4.800.000	

28	CDT1202216510303S035	Phạm Đại Nghĩa	4.800.000						4.800.000	
29	CDT1202216510303S079	Bê Văn Phong	4.800.000						4.800.000	
30	CDT1202216510303S072	Nguyễn Bá Phương	4.800.000						4.800.000	
31	CDT1202216510303S095	Đỗ Mạnh Quân	4.800.000						4.800.000	
32	CDT1202216510303S087	Trần Thu Sâm	4.800.000						4.800.000	
33	CDT1202216510303S045	Lưu Văn Thái	4.800.000						4.800.000	
34	CDT1202206510303S050	Nguyễn Tuấn Thành	4.800.000						4.800.000	
35	CDT1202216510303S046	Nguyễn Minh Thành	4.800.000						4.800.000	
36	CDT1202216510303S047	Nguyễn Văn Thành	4.800.000						4.800.000	
37	CDT1202216510303S049	Đào Thị Thảo	4.800.000						4.800.000	
38	CDT1202216510303S048	Hoàng Thị Phương Thảo	4.800.000						4.800.000	
39	CDT1202216510303S050	Nguyễn Đình Thắng	4.800.000						4.800.000	
40	CDT1202216510303S052	Dương Văn Thịnh	4.800.000						4.800.000	
41	CDT1202196220211S068	Bùi Thu Thủy	4.800.000						4.800.000	
42	CDT1202216510303S053	Nguyễn Thế Thước	4.800.000						4.800.000	
43	CDT1202216510303S041	Phạm Minh Tiến	4.800.000						4.800.000	
44	CDT1202216510303S096	Trần Văn Tinh	4.800.000						4.800.000	
45	CDT1202216510303S069	Nguyễn Quốc Toàn	4.800.000						4.800.000	
46	CDT1202216220211S060	Đặng Thị Thu Trang	4.800.000						4.800.000	
47	CDT1202216510303S077	Hà Xuân Trình	4.800.000						4.800.000	
48	CDT1202216510303S056	Khổng Văn Trung	4.800.000						4.800.000	
49	CDT1202216510303S101	Nguyễn Xuân Trường	4.800.000						4.800.000	
50	CDT1202216510303S098	Lưu Sỹ Anh Tú	4.800.000						4.800.000	
51	CDT1202216510303S094	Ngô Văn Tuyên	4.800.000						4.800.000	
52	CDT1202216510303S085	Nguyễn Đăng Tuyển	4.800.000						4.800.000	
53	CDT1202216510303S058	La Thanh Vinh	4.800.000						4.800.000	
54	CDT1202216510303S059	Hoàng Long Vũ	4.800.000						4.800.000	
55	CDT1202216510303S060	Tổng Anh Vũ	4.800.000						4.800.000	
56	CDT1202216510303S082	Dương Quang Vững	4.800.000						4.800.000	
57	CDT1202216510303S064	Nguyễn Thị Xuân	4.800.000						4.800.000	
		Cộng	273.600.000	-	-	-	-	-	273.600.000	

NGƯỜI LẬP

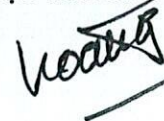
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngày tháng năm 2024

HIỆU TRƯỞNG







ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CĐ KINH TẾ - KỸ THUẬT

DANH SÁCH THU HỌC PHÍ LỚP K18CĐ-T.HÀN HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024 (KỲ 4 KHÓA HỌC 2022-2025)
(Số tiền HP phải nộp = 960.000đ/tháng x 5 tháng = 4.800.000đ)

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TIỀN HP PHẢI NỘP	SỐ TIỀN HP ĐÃ NỘP L1	SỐ HÓA ĐƠN	SỐ TIỀN HP ĐÃ NỘP L2	SỐ HÓA ĐƠN	SỐ TIỀN HP THÔI HỌC	SỐ TIỀN HP CÒN NỢ	GHI CHÚ
1	CDT1202226220211S051	Tạ Thị Việt Anh	4.800.000						4.800.000	
2	CDT1202226220211S001	Trần Thị Anh	4.800.000						4.800.000	
3	CDT1202226220211S068	Nguyễn Ngọc Ánh	4.800.000						4.800.000	
4	CDT1202226220211S002	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	4.800.000						4.800.000	
5	CDT1202226220211S052	Nguyễn Thị Chung	4.800.000						4.800.000	
6	CDT1202226220211S023	Ma Thị Dương	4.800.000	25.000	3090/25/9/23				4.775.000	
7	CDT1202226220211S053	Nguyễn Thu Hà	4.800.000						4.800.000	
8	CDT1202226220211S029	Hoàng Thị Hạnh	4.800.000						4.800.000	
9	CDT1202226220211S040	Nguyễn Thị Hằng	4.800.000						4.800.000	
10	CDT1202226220211S003	Nguyễn Thị Hiền	4.800.000						4.800.000	
11	CDT1202226220211S043	Lê Văn Hoàng	4.800.000						4.800.000	
12	CDT1202226220211S055	Đặng Thị Hoi	4.800.000						4.800.000	
13	CDT1202226220211S034	Đinh Thị Huyền	4.800.000						4.800.000	
14	CDT1202226220211S025	Hoàng Thị Huyền	4.800.000						4.800.000	
15	CDT1202226220211S033	Tạ Ngọc Huyền	4.800.000						4.800.000	
16	CDT1202226220211S058	Bùi Thị Len	4.800.000						4.800.000	
17	CDT1202226220211S059	Nguyễn Thị Liễu	4.800.000						4.800.000	
18	CDT1202226340301S003	Đinh Thị Linh	4.800.000	450.000	98/22/02/24				4.350.000	
19	CDT1202226220211S035	Hà Tuấn Linh	4.800.000	4.800.000	387/22/3/24				-	
20	CDT1202226220211S060	Lại Thị Hồng Linh	4.800.000						4.800.000	
21	CDT1202226220211S061	Nguyễn Thị Loan	4.800.000						4.800.000	
22	CDT1202226220211S004	Đỗ Thị Cẩm Ly	4.800.000						4.800.000	

23	CDT1202226220211S005	Trịnh Thị Khánh Ly	4.800.000						4.800.000	
24	CDT1202226220211S036	Bùi Thị Mây	4.800.000	4.800.000	395/22/3/24				-	
25	CDT1202216220211S037	Dương Hòa My	4.800.000						4.800.000	
26	CDT1202226220211S045	Nguyễn Thị Thanh Nhã	4.800.000						4.800.000	
27	CDT1202226220211S063	Vũ Thị Nụ	4.800.000						4.800.000	
28	CDT1202226220211S009	Nguyễn Đăng Phong	4.800.000						4.800.000	
29	CDT1202226220211S018	Cần Thị Quỳnh	4.800.000	25.000	124/15/02/2023				4.775.000	
30	CDT1202226220211S019	Dương Thị Thắm	4.800.000						4.800.000	
31	CDT1202226220211S065	Nguyễn Thị Thắm	4.800.000						4.800.000	
32	CDT1202226220211S021	Đinh Thị Trang	4.800.000						4.800.000	
		Cộng	153.600.000	10.100.000	-	-	-	-	143.500.000	

NGƯỜI LẬP

Phạm

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phạm

Ngày tháng năm 2024
HIỆU TRƯỞNG

Phạm

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CĐ KINH TẾ - KỸ THUẬT

DANH SÁCH THU HỌC PHÍ LỚP K18CĐ-ĐIỆN ĐT HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024 (KỲ 4 KHÓA HỌC 2022-2025)
(Số tiền HP phải nộp = 960.000đ/tháng x 5 tháng = 4.800.000đ)

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TIỀN HP PHẢI NỘP	SỐ TIỀN HP ĐÃ NỘP L1	SỐ HÓA ĐƠN	SỐ TIỀN HP ĐÃ NỘP L2	SỐ HÓA ĐƠN	SỐ TIỀN HP THÔI HỌC	SỐ TIỀN HP CÒN NỢ	GHI CHÚ
1	CDT1202226510303S018	Lê Tuấn Anh	4.800.000						4.800.000	
2	CDT1202226510303S039	Lê Trung Bắc	4.800.000						4.800.000	
3	CDT1202226510303S020	Seo Văn Bộ	4.800.000						4.800.000	
4	CDT1202226510303S064	Trần Đức Cảnh	4.800.000						4.800.000	
5	CDT1202226510303S040	Nguyễn Trọng Cường	4.800.000						4.800.000	
6	CDT1202226510303S043	Mạc Đức Dũng	4.800.000						4.800.000	
7	CDT1202226510303S021	Trần Đình Đại	4.800.000						4.800.000	
8	CDT1202226510303S041	Nguyễn Văn Điện	4.800.000						4.800.000	
9	CDT1202226510303S065	Vương Văn Đoàn	4.800.000						4.800.000	
10	CDT1202226510303S023	Hà Văn Đông	4.800.000						4.800.000	
11	CDT1202226510303S004	Nguyễn Trung Đức	4.800.000						4.800.000	
12	CDT1202226510303S001	Nguyễn Văn Hải	4.800.000						4.800.000	
13	CDT1202226510303S005	Dương Văn Hán	4.800.000						4.800.000	
14	CDT1202226510303S006	Tạ Văn Hạnh	4.800.000						4.800.000	
15	CDT1202226220211S054	Nguyễn Thị Hằng	4.800.000						4.800.000	
16	CDT1202226510303S066	Đỗ Văn Hiến	4.800.000						4.800.000	
17	CDT1202226510303S016	Vũ Văn Hiến	4.800.000						4.800.000	
18	CDT1202226510303S025	Lê Văn Hiếu	4.800.000						4.800.000	
19	CDT1202226510303S067	Nguyễn Văn Hiếu	4.800.000						4.800.000	
20	CDT1202226510303S007	Dương Doãn Hiệu	4.800.000						4.800.000	
21	CDT1202226510303S047	Nguyễn Thị Thu Huyền	4.800.000						4.800.000	
22	CDT1202226510303S048	Trần Thị Huyền	4.800.000						4.800.000	
23	CDT1202226510303S026	Hoàng Văn Lâm	4.800.000						4.800.000	
24	CDT1202226510303S049	Nguyễn Thùy Linh	4.800.000	4.000.000	117/23/02/24				800.000	
25	CDT1202226340301S008	Đường Thị Kim Loan	4.800.000						4.800.000	

26	CDT1202226510303S027	Đông Văn Mạnh	4.800.000						4.800.000	
27	CDT1202226510303S028	Ma Văn Mạnh	4.800.000						4.800.000	
28	CDT1202226510303S029	Nguyễn Văn Minh	4.800.000						4.800.000	
29	CDT1202226510303S051	Thái Hữu Minh	4.800.000						4.800.000	
30	CDT1202226510303S030	Nguyễn Hải Nam	4.800.000						4.800.000	
31	CDT1202226510303S002	Lý Thị Nhanh	4.800.000						4.800.000	
32	CDT1202226510303S031	Nguyễn Văn Phương	4.800.000						4.800.000	
33	CDT1202226510303S017	Vũ Văn Quyền	4.800.000						4.800.000	
34	CDT1202226510303S052	Lò Văn Sơn	4.800.000						4.800.000	
35	CDT1202226510303S033	Nguyễn Văn Thắng	4.800.000						4.800.000	
36	CDT1202226510303S035	Lê Quý Thi	4.800.000						4.800.000	
37	CDT1202226510303S036	Bùi Văn Thơi	4.800.000						4.800.000	
38	CDT1202226510303S008	Hoàng Tài Thu	4.800.000						4.800.000	
39	CDT1202226510303S063	Trần Văn Thương	4.800.000						4.800.000	
40	CDT1202226510303S010	Nguyễn Văn Tiếp	4.800.000						4.800.000	
41	CDT1202226510303S037	Nguyễn Minh Toán	4.800.000						4.800.000	
42	CDT1202226510303S011	Phùng Văn Trình	4.800.000						4.800.000	
43	CDT1202226510303S058	Nguyễn Văn Trường	4.800.000						4.800.000	
44	CDT1202226510303S012	Nguyễn Quốc Trường	4.800.000						4.800.000	
45	CDT1202226510303S059	Đỗ Văn Tú	4.800.000						4.800.000	
46	CDT1202226510303S060	Ngô Anh Tú	4.800.000						4.800.000	
47	CDT1202226510303S014	Sầm Văn Tuấn	4.800.000						4.800.000	
48	CDT1202226510303S038	Nguyễn Văn Tùng	4.800.000						4.800.000	
49	CDT1202226340301S004	Nguyễn Thị Khánh Vân	4.800.000						4.800.000	
50	CDT1202216220211S065	Bùi Thị Vi	4.800.000						4.800.000	
51	CDT1202226510303S015	Hà Quang Vinh	4.800.000						4.800.000	
		Cộng	244.800.000	4.000.000	-	-	-	-	240.800.000	

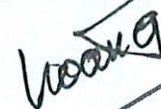
NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngày tháng năm 2024
HIỆU TRƯỞNG







ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CĐ KINH TẾ - KỸ THUẬT

DANH SÁCH THU HỌC PHÍ LỚP K19CĐ-TIẾNG HÀN HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024 (KỲ 2 KHÓA HỌC 2023-2026)
(Số tiền HP phải nộp = 960.000đ/tháng x 5 tháng = 4.800.000đ)

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TIỀN HP PHẢI NỘP	SỐ TIỀN HP ĐÃ NỘP L1	SỐ HÓA ĐƠN	SỐ TIỀN HP ĐÃ NỘP L2	SỐ HÓA ĐƠN	SỐ TIỀN HP THÔI HỌC	SỐ TIỀN HP CÒN NỢ	GHI CHÚ
1	CDT1202236220211S003	Dương Thị Lan Anh	4.800.000						4.800.000	
2	CDT1202236220211S005	Bùi Thị Ngọc Ánh	4.800.000	4.800.000	1384/23/5/24				-	
3	CDT1202236220211S006	Hoàng Bá Chiến	4.800.000	450.000	3446/9/10/23				4.350.000	
4	CDT1202236220211S012	Nguyễn Viết Dân	4.800.000	450.000	3234/29/9/23	4.350.000	1371/23/5/24		-	
5	CDT1202236220211S078	Hà Thùy Dung	4.800.000						4.800.000	
6	CDT1202236220211S010	Triệu Thị Phương Dung	4.800.000						4.800.000	
7	CDT1202236220211S077	Vy Thị Nam Dung	4.800.000						4.800.000	
8	CDT1202236220211S008	Trần Thị Bích Đạt	4.800.000						4.800.000	
9	CDT1202236220211S061	Nông Thị Điệp	4.800.000						4.800.000	
10	CDT1202236220211S080	Bùi Thị Giang	4.800.000	3.000.000	1351/22/5/24				1.800.000	
11	CDT1202236220211S011	Ngô Thị Giang	4.800.000	4.800.000	1366/23/5/24				-	
12	CDT1202236220211S062	Nguyễn Thị Trà Giang	4.800.000						4.800.000	
13	CDT1202236220211S014	Lâm Thị Thu Hà	4.800.000	4.800.000	1373/23/5/24				-	
14	CDT1202236220211S016	Dương Thị Hạnh	4.800.000						4.800.000	
15	CDT1202236220211S082	Ma Thị Thu Hằng	4.800.000						4.800.000	
16	CDT1202236220211S083	Nguyễn Thị Hằng	4.800.000	4.800.000	1361/22/5/24				-	
17	CDT1202236220211S015	Ninh Thị Hằng	4.800.000	4.800.000	1376/23/5/24				-	
18	CDT1202236220211S017	Nguyễn Thị Như Hiền	4.800.000						4.800.000	
19	CDT1202236220211S084	Trương Thị Thu Hiền	4.800.000						4.800.000	
20	CDT1202236220211S020	Sầm Thị Minh Hội	4.800.000						4.800.000	
21	CDT1202236220211S021	Nguyễn Thị Hồng	4.800.000	4.800.000	1350/22/5/24				-	
22	CDT1202236220211S088	Phạm Thị Huê	4.800.000						4.800.000	
23	CDT1202236220211S090	Lê Thị Khánh Huyền	4.800.000						4.800.000	
24	CDT1202236220211S026	Nguyễn Thị Huyền	4.800.000	4.800.000	1493/27/5/24				-	
25	CDT1202236220211S023	Nguyễn Thị Hương	4.800.000						4.800.000	
26	CDT1202236220211S024	Nguyễn Thị Hương	4.800.000						4.800.000	
27	CDT1202236220211S025	Dương Thị Hường	4.800.000						4.800.000	
28	CDT1202236220211S093	Bùi Xuân Khải	4.800.000						4.800.000	
29	CDT1202236220211S027	Lã Thị Bảo Khanh	4.800.000						4.800.000	
30	CDT1202236220211S063	Ma Thị Kiều	4.800.000						4.800.000	
31	CDT1202236510303S045	Nguyễn Thị Lan	4.800.000						4.800.000	

32	CDT1202236220211S094	Nông Thị Lan	4.800.000						4.800.000	
33	CDT1202236220211S029	Hoàng Thị Liễu	4.800.000	4.800.000	1387/23/5/24				-	
34	CDT1202236220211S030	Đinh Thị Thùy Linh	4.800.000						4.800.000	
35	CDT1202236220211S034	Lê Thị Lộc	4.800.000						4.800.000	
36	CDT1202236220211S098	La Thị Cẩm Ly	4.800.000						4.800.000	
37	CDT1202236220211S036	Nguyễn Thị Trà Ly	4.800.000						4.800.000	
38	CDT1202236220211S037	Dương Thị Mai	4.800.000						4.800.000	
39	CDT1202236220211S038	Nguyễn Thị Mai	4.800.000						4.800.000	
40	CDT1202236220211S099	Nguyễn Thị Mai	4.800.000						4.800.000	
41	CDT1202236220211S101	Nguyễn Thị Mơ	4.800.000	4.800.000	1497/27/5/24				-	
42	CDT1202236220211S039	Lim Thị Năm	4.800.000						4.800.000	
43	CDT1202236220211S040	Đinh Quỳnh Nga	4.800.000						4.800.000	
44	CDT1202236220211S102	Hoàng Thanh Nga	4.800.000						4.800.000	
45	CDT1202236220211S104	Hoàng Bích Ngọc	4.800.000						4.800.000	
46	CDT1202236220211S041	Lưu Thị Hồng Ngọc	4.800.000						4.800.000	
47	CDT1202236220211S106	Tạ Thị Hồng Nhung	4.800.000						4.800.000	
48	CDT1202236220211S107	Lăng Thị Kim Oanh	4.800.000	4.800.000	1368/23/5/24				-	
49	CDT1202236220211S109	Phùng Thị Quế Phương	4.800.000						4.800.000	
50	CDT1202236220211S110	Nguyễn Hồng Quân	4.800.000						4.800.000	
51	CDT1202236220211S045	Nguyễn Hương Quý	4.800.000						4.800.000	
52	CDT1202236220211S111	Lăng Thúy Quỳnh	4.800.000	4.800.000	1488/24/5/24				-	
53	CDT1202236220211S112	Bùi Thị Sinh	4.800.000						4.800.000	
54	CDT1202236220211S048	Ma Văn Thắng	4.800.000						4.800.000	
55	CDT1202236220211S064	Hoàng Thị Thoa	4.800.000						4.800.000	
56	CDT1202236220211S066	Hứa Thanh Thùy	4.800.000	4.800.000	1359/22/5/24				-	
57	CDT1202236220211S052	Nguyễn Quỳnh Trang	4.800.000	4.800.000	1348/22/5/24				-	
58	CDT1202236220211S118	Nguyễn Thị Uyên	4.800.000	4.800.000	1520/27/5/24				-	
59	CDT1202236220211S119	Lương Thị Xếp	4.800.000						4.800.000	
60	CDT1202236220211S121	Đỗ Thị Hải Yến	4.800.000						4.800.000	
61	CDT1202236220211S120	Trương Thị Yến	4.800.000						4.800.000	
		Cộng	292.800.000	71.100.000	-	4.350.000	-	-	217.350.000	-

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngày tháng năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Thương

Thương

Thương

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CƠ KINH TẾ - KỸ THUẬT

DANH SÁCH THU HỌC PHÍ LỚP K19CĐ-ĐIỆN TỬ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024 (KỲ 2 KHÓA HỌC 2023-2026)
(Số tiền HP phải nộp = 960.000đ/tháng x 5 tháng = 4.800.000đ)

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TIỀN HP PHẢI NỘP	SỐ TIỀN HP ĐÃ NỘP L1	SỐ HÓA ĐƠN	SỐ TIỀN HP ĐÃ NỘP L2	SỐ HÓA ĐƠN	SỐ TIỀN HP THÔI HỌC	SỐ TIỀN HP CÒN NỢ	GHI CHÚ
1	CDT1202236510303S001	Đoàn Tuấn Anh	4.800.000						4.800.000	
2	CDT1202236220211S004	Lương Quỳnh Anh	4.800.000	2.400.000	1312/21/5/24				2.400.000	
3	CDT1202236510303S004	Lương Văn Anh	4.800.000						4.800.000	
4	CDT1202236510303S002	Nguyễn Hồng Anh	4.800.000						4.800.000	
5	CDT1202236220211S074	Nguyễn Ngọc Anh	4.800.000						4.800.000	
6	CDT1202236510303S003	Quang Văn Anh	4.800.000	4.800.000	1490/24/5/24				-	
7	CDT1202236510303S102	Nguyễn Văn Bằng	4.800.000	4.800.000	1489/24/5/24				-	
8	CDT1202236510303S006	Chu Việt Bình	4.800.000	4.800.000	1782/28/5/24				-	
9	CDT1202236510303S095	Lê Sỹ Chiến	4.800.000	4.800.000	1513/27/5/24				-	
10	CDT1202236510303S007	Nguyễn Văn Chiến	4.800.000						4.800.000	
11	CDT1202236510303S008	Dương Quang Chung	4.800.000	4.800.000	1263/21/5/24				-	
12	CDT1202236510303S009	Ngô Xuân Công	4.800.000	2.400.000	1534/27/5/24				2.400.000	
13	CDT1202236510303S010	Đào Văn Cường	4.800.000	4.800.000	1353/22/5/24				-	
14	CDT1202236510303S011	Đỗ Mạnh Cường	4.800.000	4.800.000	1943/5/6/24				-	
15	CDT1202236220211S009	Bùi Thị Diệu	4.800.000						4.800.000	
16	CDT1202236220211S068	Lưu Thùy Dung	4.800.000	4.800.000	1949/5/6/24				-	
17	CDT1202236510303S017	Bùi Văn Dũng	4.800.000						4.800.000	
18	CDT1202236510303S018	Hà Trung Dũng	4.800.000	2.500.000	1294/21/5/24				2.300.000	
19	CDT1202236510303S019	Nguyễn Việt Dũng	4.800.000	3.000.000	1370/23/5/24				1.800.000	
20	CDT1202236510303S013	Nguyễn Thành Đạt	4.800.000	450.000	3309/30/10/23	4.800.000	1375/23/5/24		(450.000)	
21	CDT1202236510303S012	Vi Văn Đăng	4.800.000	4.800.000	1367/23/5/24				-	
22	CDT1202236510303S014	Phạm Văn Đông	4.800.000						4.800.000	
23	CDT1202236510303S015	Nguyễn Văn Đông	4.800.000	1.500.000	1194/16/5/24				3.300.000	
24	CDT1202236510303S016	Quang Văn Đức	4.800.000	2.400.000	1362/22/5/24				2.400.000	
25	CDT1202236510303S020	Trần Ngọc Đường	4.800.000	450.000	3767/19/10/23				4.350.000	
26	CDT1202236510303S021	Hà Văn Giang	4.800.000	4.800.000	1295/21/5/24				-	
27	CDT1202236510303S022	Nguyễn Văn Giang	4.800.000	4.800.000	1944/5/6/24				-	
28	CDT1202236510303S023	Lê Văn Hà	4.800.000						4.800.000	
29	CDT1202236510303S026	Nguyễn Duy Hải	4.800.000						4.800.000	
30	CDT1202236510303S025	Nguyễn Đức Hải	4.800.000	2.400.000	1941/5/6/24				2.400.000	
31	CDT1202236510303S024	Trương Văn Hải	4.800.000						4.800.000	
32	CDT1202236510303S096	Vũ Đình Hải	4.800.000						4.800.000	

33	CDT1202236510303S029	Lưu Sỹ Hào	4.800.000						4.800.000	
34	CDT1202236510303S028	Nguyễn Viết Hân	4.800.000						4.800.000	
35	CDT1202236510303S031	Trần Trung Hiếu	4.800.000	4.800.000	1300/21/5/24				-	
36	CDT1202236220211S086	Tạ Thị Hoa	4.800.000						4.800.000	
37	CDT1202236510303S103	Phạm Đăng Hoàn	4.800.000						4.800.000	
38	CDT1202236510303S033	Trần Văn Hoàn	4.800.000	1.800.000	1298/21/5/24				3.000.000	
39	CDT1202236510303S034	Nguyễn Ngọc Huệ	4.800.000	4.800.000	1942/5/6/24				-	
40	CDT1202236510303S035	Nguyễn Thái Huệ	4.800.000						4.800.000	
41	CDT1202236220211S022	Ninh Thị Huệ	4.800.000	4.800.000	1303/21/5/24				-	
42	CDT1202236510303S037	Dương Mạnh Hùng	4.800.000	2.400.000	1302/21/5/24				2.400.000	
43	CDT1202236510303S036	Phạm Anh Hùng	4.800.000	4.800.000	1468/24/5/24				-	
44	CDT1202236510303S039	Nguyễn Đức Huy	4.800.000	4.800.000	1471/24/5/24				-	
45	CDT1202236510303S097	Đỗ Thị Huyền	4.800.000						4.800.000	
46	CDT1202236510303S041	Nguyễn Văn Huỳnh	4.800.000						4.800.000	
47	CDT1202236510303S038	Trương Thị Hường	4.800.000	4.800.000	1345/21/5/24				-	
48	CDT1202236510303S042	Lê Ngọc Khải	4.800.000	2.400.000	1357/22/5/24				2.400.000	
49	CDT1202236510303S044	Vũ Thị Kiều	4.800.000						4.800.000	
50	CDT1202236510303S106	Bùi Quốc Lành	4.800.000						4.800.000	
51	CDT1202236510303S107	Nguyễn Thị Lê	4.800.000						4.800.000	
52	CDT1202236510303S046	Ngô Thị Loan	4.800.000	4.800.000	1968/11/6/24				-	
53	CDT1202236510303S108	Phan Thị Loan	4.800.000						4.800.000	
54	CDT1202236510303S048	Đặng Văn Long	4.800.000	4.800.000	1487/24/5/24				-	
55	CDT1202236510303S047	Lê Văn Lợi	4.800.000	4.800.000	1065/13/5/24				-	
56	CDT1202236510303S050	Ngô Văn Mai	4.800.000						4.800.000	
57	CDT1202236510303S051	Hà Văn Mạnh	4.800.000	2.500.000	1299/21/5/24				2.300.000	
58	CDT1202236510303S052	Trần Văn Mạnh	4.800.000	4.800.000	1403/23/5/24				-	
59	CDT1202236510303S053	Nguyễn Thị Mến	4.800.000	4.800.000	1492/27/5/24				-	
60	CDT1202236510303S055	Ân Văn Minh	4.800.000	4.800.000	1349/22/5/24				-	
61	CDT1202236510303S054	Đặng Quang Minh	4.800.000	2.400.000	1486/24/5/24				2.400.000	
62	CDT1202236220211S060	Dương Trà My	4.800.000	2.000.000	1372/23/5/24				2.800.000	
63	CDT1202236510303S056	Ngô Thảo My	4.800.000	4.800.000	1307/21/5/24				-	
64	CDT1202236510303S057	Nguyễn Văn Nam	4.800.000						4.800.000	
65	CDT1202236510303S059	Dương Thị Ngọc	4.800.000	2.500.000	1951/5/6/24				2.300.000	
66	CDT1202236510303S060	Nguyễn Văn Nhất	4.800.000	2.400.000	1973/11/6/24				2.400.000	
67	CDT1202236220211S108	Nguyễn Văn Phúc	4.800.000	2.400.000	1365/23/5/24				2.400.000	
68	CDT1202236510303S061	Đinh Thành Phương	4.800.000						4.800.000	
69	CDT1202236510303S099	Nguyễn Thị Phương	4.800.000						4.800.000	
70	CDT1202236220211S043	Vũ Thị Phụng	4.800.000	4.800.000	1356/22/5/24				-	
71	CDT1202236510303S062	Dương Văn Quang	4.800.000						4.800.000	
72	CDT1202236510303S063	Ngô Văn Quyết	4.800.000						4.800.000	

73	CDT1202236510303S064	Lê Mạnh Quỳnh	4.800.000	4.800.000	1297/21/5/24				-	
74	CDT1202236510303S067	Mông Văn Sóng	4.800.000	4.800.000	1363/22/5/24				-	
75	CDT1202236510303S065	Lê Ngọc Sơn	4.800.000	3.000.000	1346/22/5/24				1.800.000	
76	CDT1202236510303S066	Phạm Đình Sơn	4.800.000						4.800.000	
77	CDT1202236510303S068	Nguyễn Văn Tâm	4.800.000	3.000.000	1296/21/5/24				1.800.000	
78	CDT1202236510303S069	Nguyễn Văn Tấn	4.800.000	4.800.000	1400/23/5/24				-	
79	CDT1202236510303S070	Lê Văn Thái	4.800.000						4.800.000	
80	CDT1202236510303S072	Trần Đình Thanh	4.800.000						4.800.000	
81	CDT1202236510303S110	Hà Tiến Thành	4.800.000	4.800.000	1358/22/5/24				-	
82	CDT1202236510303S074	Nguyễn Sĩ Thành	4.800.000						4.800.000	
83	CDT1202236510303S075	Nguyễn Trung Thành	4.800.000	2.400.000	1500/27/5/24				2.400.000	
84	CDT1202236510303S073	Vi Văn Thành	4.800.000	4.800.000	1355/22/3/24				-	
85	CDT1202236510303S076	Quách Thị Thu Thảo	4.800.000						4.800.000	
86	CDT1202236510303S071	Lù Văn Thắng	4.800.000	4.800.000	1369/23/5/24				-	
87	CDT1202236510303S078	Ngô Đức Thiện	4.800.000						4.800.000	
88	CDT1202236220211S065	Nguyễn Thị Thúy	4.800.000	2.400.000	1952/5/6/24				2.400.000	
89	CDT1202236510303S079	Văn Trọng Thức	4.800.000						4.800.000	
90	CDT1202236510303S080	Ngô Thượng Tiến	4.800.000	2.400.000	1532/27/5/24				2.400.000	
91	CDT1202236510303S081	Phùng Văn Tiến	4.800.000	2.400.000	1517/27/5/24				2.400.000	
92	CDT1202236220211S116	Chu Kiều Trang	4.800.000	4.800.000	1360/22/5/24				-	
93	CDT1202236220211S054	Lê Thị Trang	4.800.000						4.800.000	
94	CDT1202236510303S113	Phạm Thị Trang	4.800.000						4.800.000	
95	CDT1202236510303S082	Trương Thị Trang	4.800.000						4.800.000	
96	CDT1202236510303S083	Đỗ Văn Trọng	4.800.000	4.800.000	1354/22/5/24				-	
97	CDT1202236510303S085	Nguyễn Văn Trường	4.800.000						4.800.000	
98	CDT1202236510303S086	Nguyễn Văn Tú	4.800.000	2.400.000	1293/21/5/24				2.400.000	
99	CDT1202236510303S087	Tạ Văn Tú	4.800.000	2.500.000	1302/21/5/24				2.300.000	
100	CDT1202236510303S088	Nguyễn Viết Tuấn	4.800.000						4.800.000	
101	CDT1202236510303S090	Nguyễn Tiến Văn	4.800.000						4.800.000	
102	CDT1202236510303S101	Ngô Thị Vân	4.800.000	4.800.000	1406/23/5/24				-	
103	CDT1202236510303S114	Lê Quốc Việt	4.800.000						4.800.000	
104	CDT1202236510303S092	Lộc Văn Xếp	4.800.000	4.800.000	1863/29/5/24				-	
105	CDT1202236510303S093	Dương Thị Yến	4.800.000						4.800.000	
		Cộng	504.000.000	226.800.000	-	4.800.000	-	-	272.400.000	

NGƯỜI LẬP

Thư

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Thư

Ngày tháng năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Thư